

BÁO CÁO NĂM 2022

CÀ PHÊ



MỤC LỤC

I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2022	3
1.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2022.....	3
1.2. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2022	5
1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2022	5
1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2022	8
1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2022	8
1.3. BIẾN ĐỘNG GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI.....	9
II. CÀ PHÊ VIỆT NAM 2022.....	12
2.1. DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÀ PHÊ	12
2.2. NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG.....	12
2.3. XUẤT KHẨU CÀ PHÊ 2022.....	13
2.4. DIỄN BIẾN GIÁ CÀ	15
III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2022	17
3.1. THẾ GIỚI.....	17
3.2. VIỆT NAM.....	18

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới	9
Bảng 2: Sản lượng, xuất khẩu và tiêu thụ cà phê của Việt Nam.....	19

DANH SÁCH HÌNH

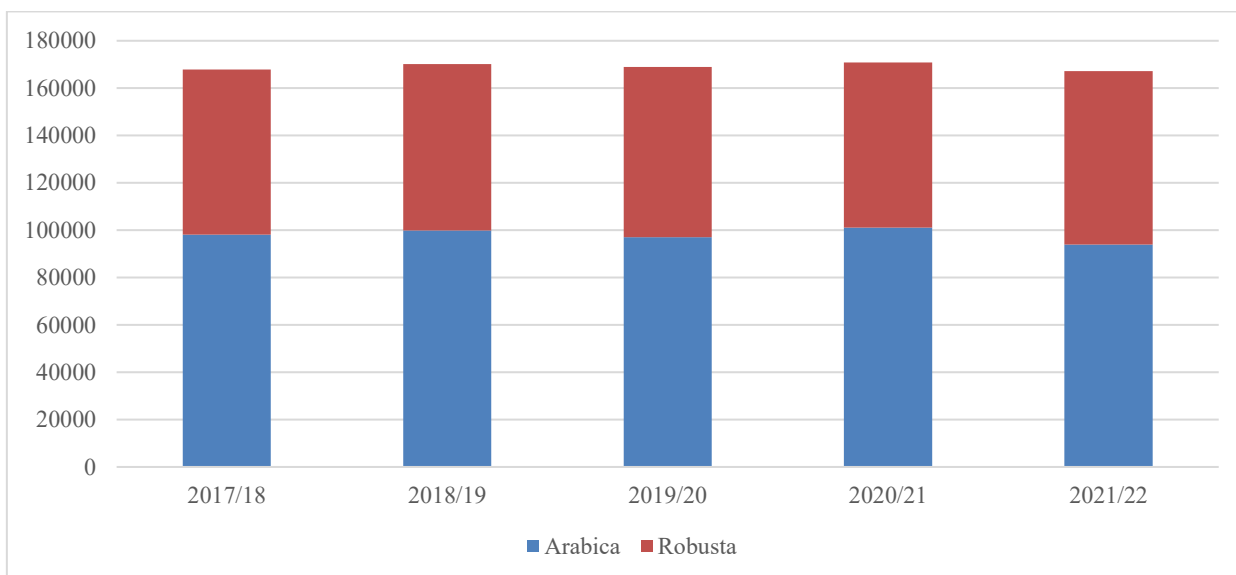
Hình 1: Sản lượng cà phê thế giới.....	3
Hình 2: Tiêu thụ cà phê thế giới.....	4
Hình 3: Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu.....	5
Hình 4: Tổng xuất khẩu theo khu vực.....	7
Hình 5: Xuất khẩu cà phê theo chủng loại	8
Hình 6: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO.....	10
Hình 7: Chỉ số giá các loại cà phê 2021 - 2022	10
Hình 8: Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork	11
Hình 9: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam 2010-2021	12
Hình 10: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam	13
Hình 11: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch.....	13
Hình 12: Chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2022.....	14
Hình 13: Thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam, 2021 - 2022	15
Hình 14: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước	15
Hình 15: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM.....	16
Hình 16: Ước tính sản lượng của Brazil	17

I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2022

1.1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ cà phê thế giới năm 2022

Triển vọng ước tính về tổng sản lượng trong niên vụ cà phê 2021/22 không thay đổi ở mức 167,2 triệu bao, giảm 2,1% so với 170,83 triệu bao của niên vụ cà phê trước. Trong đó, sản lượng cà phê Arabia đạt 93,97 triệu bao giảm 7,1%; sản lượng cà phê Robusta đạt 73,20 triệu bao tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 1: Sản lượng cà phê thế giới



Nguồn: ICO

Colombia: Liên đoàn người trồng cà phê Colombia cho biết sản lượng cà phê của nước này trong tháng 11 là 710.000 bao, thấp hơn 6,27% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số 1.060.000 bao. Sản lượng cà phê lũy kế của nước này trong hai tháng đầu tiên của niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 là 568.000 bao, thấp hơn 22,57% so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước đó với tổng 1.948.000 bao.

Brazil: Khi vụ cà phê mới từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 bắt đầu, khí hậu ở Brazil vẫn thuận lợi với sự xuất hiện của những cơn mưa mùa xuân kéo dài đến tháng 10 thời tiết thuận lợi để hỗ trợ ra hoa cho vụ mùa tới. Trong khi độ ẩm trên mặt đất tăng lên do mưa, cao hơn mức trung bình trong khoảng 5 năm vừa qua.

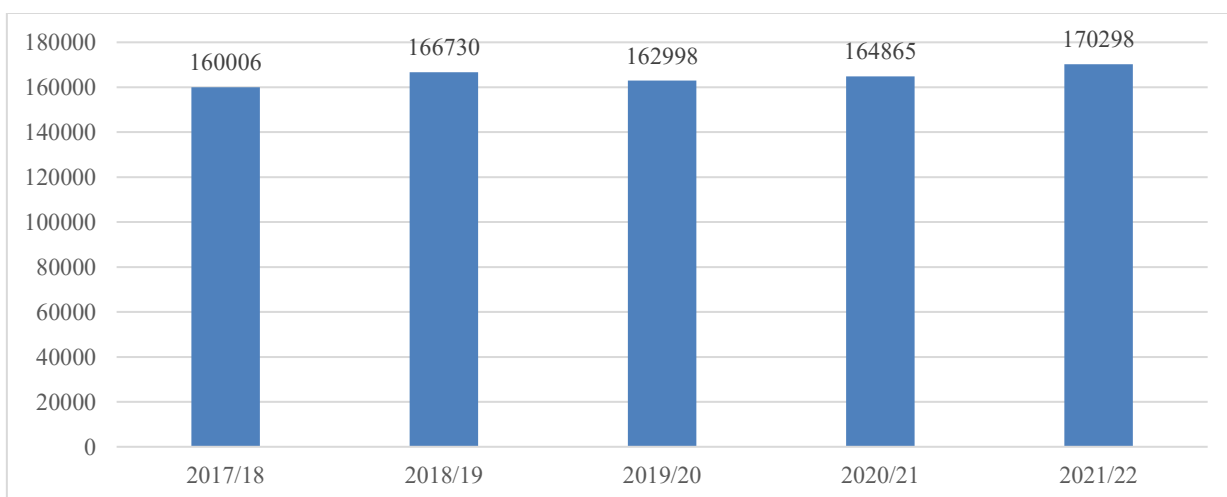
Trong khi đó, điều kiện thời tiết ở Mexico, Colombia và Trung Mỹ được cho biết là thuận lợi cho việc thu hoạch và sấy khô cà phê. Các quốc gia này dự báo sẽ sản xuất tổng

cộng 31,50 triệu bao cho niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023. Vụ thu hoạch của niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 ước tính đã hoàn thành 60% và trong điều kiện thời tiết khô ráo, thuận lợi.

Trong cập nhật dự báo mới nhất, Hedgepoint Consultancy đã đưa ra báo cáo dự đoán sản lượng niên vụ cà phê 2022/2023 của Brazil là 59 triệu bao. Ước tính này thấp hơn khoảng 6,35% so với mức trung bình trung bình của các nhà dự báo độc lập dự đoán tổng sản lượng cà phê niên vụ 2022/2023 của Brazil là khoảng 63 triệu bao. Báo cáo cũng chỉ ra dự báo sơ bộ của Hedgepoints cho niên vụ cà phê Brazil niên vụ 2023/2024 cao hơn 13,38% so với niên vụ hiện tại, với tổng sản lượng 66,90 triệu bao, con số này bao gồm 45,40 triệu bao cà phê Arabica và 21,50 triệu bao cà phê Conilon Robusta. Mặc dù điều này thể hiện sự phục hồi trong sản xuất do có điều kiện thời tiết thuận lợi trên các vùng trồng cà phê chính, nhưng con số sản lượng sơ bộ cho niên vụ cà phê 2023/2024 thấp hơn 14% so với niên vụ kỷ lục 2020/2021. Trong khi đó, giai đoạn ra hoa của vụ này đang ở giai đoạn đầu và cần lưu ý tác động tiềm ẩn của hiện tượng thời tiết La Nina được dự báo có thể tiếp tục trong thời gian tới. Hiện tượng thời tiết này kéo theo điều kiện thời tiết khô hạn hơn đến các khu vực đông nam của Brazil, trong khi niên vụ cà phê 2023/24 sẽ cần lượng mưa ổn định để tiếp tục trong những tháng tới của niên vụ cà phê 2023/24.

Tiêu thụ cà phê thế giới: được dự báo sẽ tăng 3,3% lên 170,3 triệu bao 60 kg trong niên vụ 2021/22 so với 164,9 triệu bao trong niên vụ 2020/21. Vào niên vụ 2021/22, lượng tiêu thụ dự kiến sẽ vượt sản lượng 3,1 triệu bao.

Hình 2: Tiêu thụ cà phê thế giới



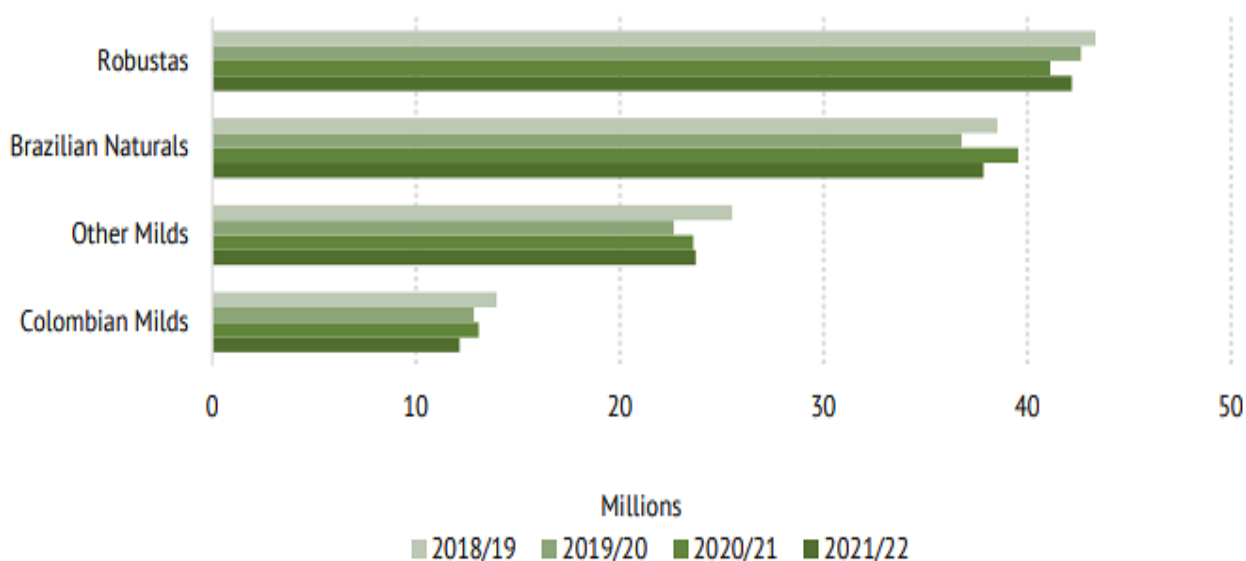
Nguồn: ICO

1.2. Thương mại cà phê thế giới năm 2022

1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2022

Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong niên vụ 2021-2022 (tháng 10/2021 đến tháng 9/2022) đạt gần 129 triệu bao loại 60 kg/bao, giảm 0,4% so với niên vụ 2020-2021. Trong đó xuất khẩu cà phê nhân xanh giảm 1,1%, xuống 116,1 triệu bao so với 117,2 triệu bao của niên vụ trước. Nhưng đây vẫn là khối lượng xuất khẩu lớn thứ ba từ trước đến nay. Trước đó khối lượng xuất khẩu lớn nhất ghi nhận được là 121,3 triệu bao trong niên vụ 2018-2019. Xuất khẩu cà phê nhân xanh giảm là do sản lượng thế giới thấp hơn năm ngoái, với ước tính giảm 2,1% từ 170,8 triệu bao trong niên vụ 2020-2021 xuống còn 167,2 triệu bao trong vụ 2021-2022.

Hình 3: Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu



Nguồn: ICO

Trong 4 nhóm cà phê chính, xuất khẩu cà phê arabica Brazil và arabica Colombia ghi nhận sự sụt giảm trong khi nhóm arabica khác và robusta lại tăng. Theo đó, xuất khẩu nhóm cà phê arabica Brazil trong niên vụ 2021-2022 đã giảm 4,3% so với vụ trước xuống còn 37,8 triệu bao. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ Brazil, nhà sản xuất và xuất khẩu arabica lớn nhất thế giới đã ghi nhận lượng cà phê nhân xanh xuất khẩu giảm 12,5% trong niên vụ vừa qua. Brazil đã thu hoạch một vụ mùa nhỏ hơn do “trái vụ” cà phê arabica, trong khi

xuất khẩu cũng gặp khó khăn do tình trạng thiếu container vận chuyển và cước phí tăng cao.

Xuất khẩu nhóm arabica Colombia cũng giảm 7,1% so với niên vụ trước xuống còn 12,14 triệu bao, mức thấp nhất kể từ năm 2015. Colombia - nước xuất khẩu chính của chủng loại cà phê này chỉ xuất khẩu 10,8 triệu bao cà phê nhân xanh trong vụ vừa qua, thấp nhất kể từ năm 2014 do thời tiết bất lợi làm giảm nguồn cung. Sản lượng cà phê của Colombia trong niên vụ 2021-2022 ước tính chỉ đạt 11,7 triệu bao, giảm tới 13% so với niên vụ trước đó.

Ở chiều ngược lại, khối lượng xuất khẩu của nhóm cà phê arabica khác tăng 1,3% trong niên vụ 2021-2022 lên 23,9 triệu bao. Khối lượng xuất khẩu kỷ lục của Peru và Nicaragua đã bù đắp cho sự sụt giảm của Honduras và Guatemala.

Xuất khẩu cà phê robustas cũng tăng 2,6% so với niên vụ trước lên mức 42,2 triệu bao. Việt Nam và Ấn Độ là hai nước xuất khẩu đạt mức tăng trưởng nổi bật trong niên vụ 2021-2022.

Trong đó, xuất khẩu cà phê nhân xanh của Việt Nam tăng 15,1% so với niên vụ trước lên 26,8 triệu bao, còn Ấn Độ tăng 26,1% lên 5 triệu bao. Ngược lại Burundi và Uganda là hai nước xuất khẩu giảm mạnh nhất, giảm 62,1% và 10% xuống còn 134.000 bao và 5,8 triệu bao.

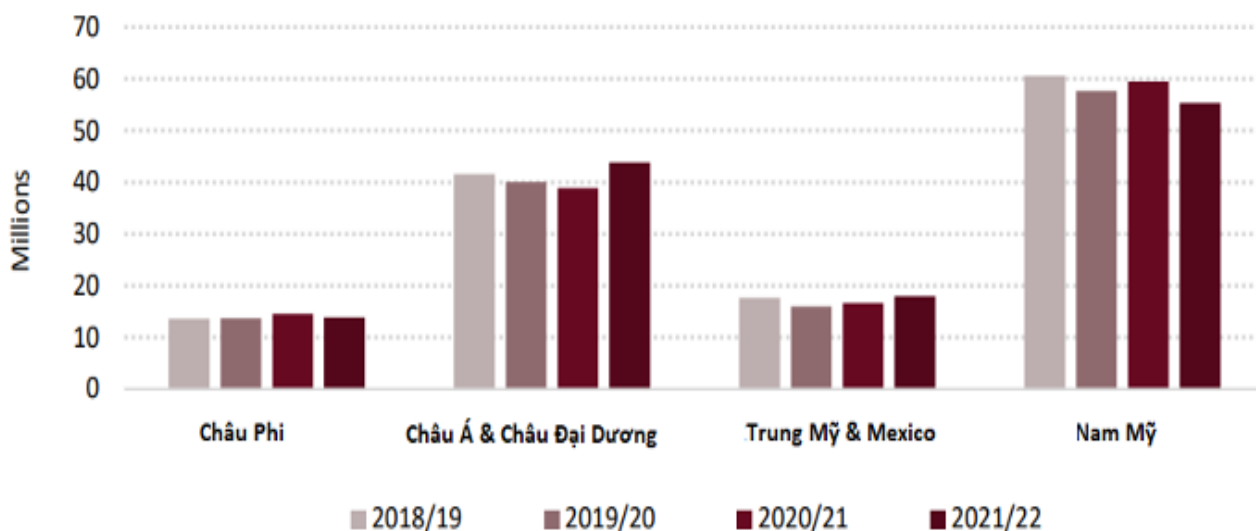
- **Xuất khẩu cà phê theo khu vực**

Trong niên vụ 2021-2022 vừa qua, xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ đã giảm 7,1% so với niên vụ trước xuống còn 55,3 triệu bao. Nguyên nhân là lượng cà phê xuất khẩu của Brazil - nước xuất khẩu lớn nhất khu vực giảm 11,4% so với vụ trước xuống còn 38,1 triệu bao. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2017, xuất khẩu cà phê của Brazil giảm xuống dưới 40 triệu bao. Yếu tố mùa vụ và các vấn đề về logistics đã ảnh hưởng không nhỏ đến xuất khẩu cà phê của nước này trong niên vụ vừa qua.

Ngược lại, khu vực châu Á và châu Đại Dương đã xuất khẩu 43,9 triệu bao trong niên vụ 2021-2022, tăng 12,8% so với vụ trước. Riêng Việt Nam chiếm 64% khối lượng xuất khẩu của khu vực với 28,2 triệu bao, tăng 14,8% (tương ứng 3,6 triệu bao) so với niên vụ 2020-2021. Điều này giúp Việt Nam trở thành nước có đóng góp chính vào mức tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực châu Á và Châu Đại Dương trong niên vụ vừa qua.

Tương tự, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ đã tăng tới 21,7% trong niên vụ 2021-2022, lên 7,2 triệu bao. Còn với Indonesia, nhà sản xuất và xuất khẩu lớn thứ ba trong khu vực, ghi nhận lượng xuất khẩu tăng nhẹ lên 6,9 triệu bao từ mức 6,8 triệu bao của niên vụ trước.

Hình 4: Tổng xuất khẩu theo khu vực



Nguồn: ICO

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê từ khu vực châu Phi giảm 5,1% xuống 13,7 triệu bao. Sự sụt giảm xuất khẩu của Uganda là do tác động của hạn hán tại hầu hết các vùng trồng cà phê, dẫn đến mùa thu hoạch chính ngắn hơn ở miền Trung và miền Đông của nước này, do đó sản lượng và xuất khẩu cũng thấp hơn. Tuy nhiên, Ethiopia, nhà sản xuất và xuất khẩu lớn thứ hai trong khu vực lại ghi nhận khối lượng xuất khẩu tăng nhẹ lên 4 triệu bao từ 3,98 triệu bao trong năm trước đó.

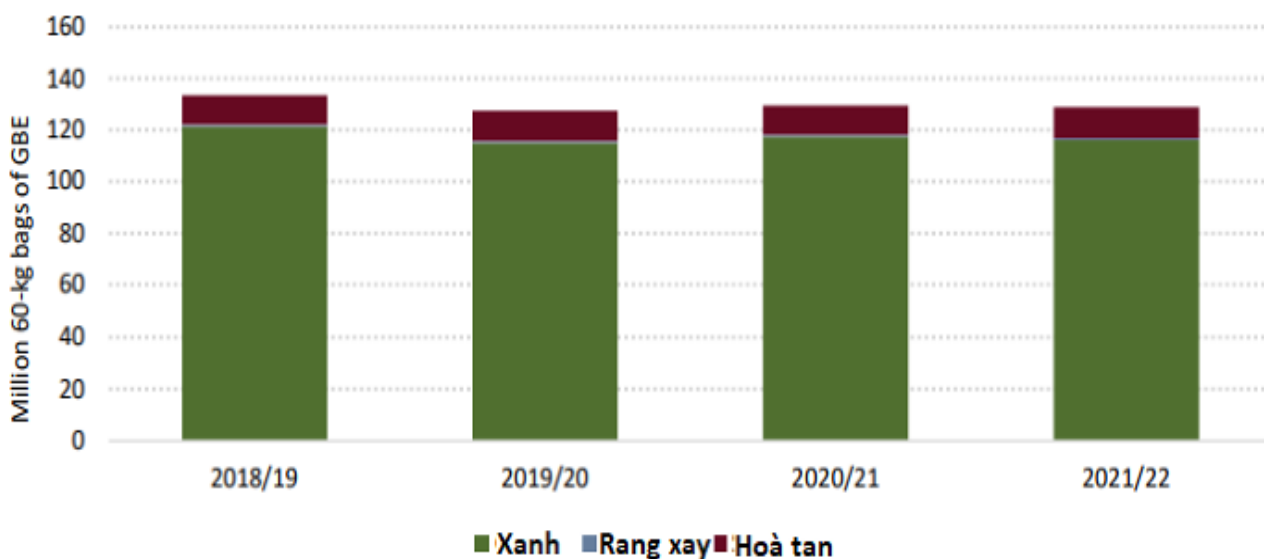
Niên vụ 2021-2022 cũng chứng kiến sự sụt giảm trong xuất khẩu cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico với mức giảm 3,3% so với niên vụ trước xuống 16,1 triệu bao. Tại khu vực này, Honduras là nước ghi nhận sự sụt giảm xuất khẩu mạnh nhất khi giảm đến 20%, tương ứng với 1,2 triệu bao so với niên vụ 2020-2021. Hai quốc gia ghi nhận sự sụt giảm lớn tiếp theo là Costa Rica và Guatemala, với mức giảm lần lượt là 50.576 bao và 280.445 bao.

- **Cà phê hòa tan và cà phê rang xay**

Trái ngược với sự sụt giảm của cà phê nhân, xuất khẩu cà phê hòa tan toàn cầu đã tăng 6,1% trong niên vụ 2021-2022 lên 12,1 triệu bao. Qua đó nâng tỷ trọng cà phê hòa tan

trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu lên 9,4%, mức cao nhất được ghi nhận từ trước đến nay. Brazil là nhà xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất thế giới với lượng xuất khẩu đạt khoảng 3,9 triệu bao, tiếp theo là Ấn Độ 2,2 triệu bao, Indonesia ở vị trí thứ ba với 1,7 triệu bao. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê rang xay cũng tăng 5,0% trong niên vụ 2021-2022 lên 0,8 triệu bao. Số liệu này cho thấy thương mại cà phê toàn cầu đang có sự thay đổi với sự chuyển dịch từ cà phê nhân sang cà phê hoà tan và cà phê rang xay nhiều hơn.

Hình 5: Xuất khẩu cà phê theo chủng loại



Nguồn: ICO

1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2022

Theo ICO, nhập khẩu từ tất cả các quốc gia trong nhóm Thành viên nhập khẩu ICO và Mỹ niên vụ 2020/2021 tăng 4,4% lên mức 120,0 triệu bao. So với niên vụ trước nhập khẩu cà phê tại các thị trường đều tăng, cụ thể: EU tăng 4,3% lên 54,2 triệu bao; Bắc Mỹ tăng 5,4% lên 31,9 triệu bao, Nam Mỹ tăng 0,5% lên 26,7 triệu bao, Châu Phi tăng 2,4% lên 11,7 triệu bao, Châu Á và Châu Đại Dương tăng 3,0% lên 40,8 triệu bao.

1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2022

Theo ICO, niên vụ 2021/2022 tiêu thụ cà phê ước tính tăng 3,3% lên 170,3 triệu bao so với mức 164,8 triệu bao niên vụ 2020/21.

Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới*ĐVT: nghìn bao*

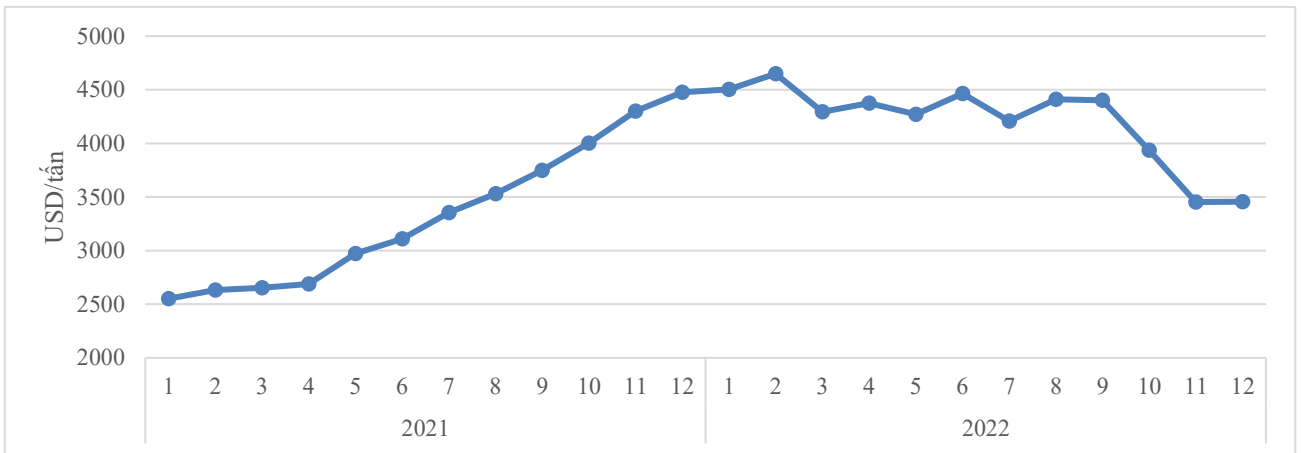
Niên vụ cà phê	2017/18	2018/19	2019/20	2020/21*	2021/22*	% thay đổi 2022/21
SẢN XUẤT	167.868	170.332	168.979	170.830	167.170	-2,1%
Arabica	98.128	99.855	97.014	101.157	93.970	-7,1%
Robusta	69.678	70.340	71.889	69.674	73.200	5,1%
Châu Phi	17.461	18.586	18.726	19.331	19.270	-0,3%
Châu Á & Châu Đại Dương	52.203	48.173	49.448	48.016	51.433	7,1%
Mexico & Trung Mỹ	21.752	21.640	19.598	19.674	18.993	-3,5%
Nam Mỹ	76.453	81.934	81.208	83.812	77.473	-7,6%
TIÊU THỤ	161.765	167.535	164.019	164.865	170.298	3,3%
Quốc gia xuất khẩu	49.686	50.245	49.995	49.967	50.322	0,7%
Quốc gia nhập khẩu	112.079	11.729	114.024	114.898	119.975	4,4%
Châu Phi	11.344	11.927	11.726	11.449	11.721	2,4%
Châu Á & Châu Đại Dương	35.147	36.219	35.801	39.657	40.834	3,0%
Mexico & Trung Mỹ	5.273	5.431	5.347	5.381	5.399	0,3%
Châu Âu	53.142	55.053	53.566	51.983	54.206	4,3%
Bắc Mỹ	29.941	31.779	30.628	30.292	31.913	5,4%
Nam Mỹ	26.918	27.126	26.951	26.603	26.724	0,5%
TỒN KHO	6.103	2.797	4.960	5.965	-3.128	

Nguồn: ICO

1.3. Biến động giá cà phê thế giới

Theo báo cáo của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cho thấy, chỉ số giá cà phê tiếp tục tăng ở thời điểm đầu năm 2022, tuy nhiên, có xu hướng giảm trong những tháng sau đó, đặc biệt giảm mạnh nhất là vào tháng 10 và tháng 11 năm 2022. Năm 2022, chỉ số giá cà phê trung bình ở mức 4.202 USD/tấn, tăng 26,0% so với năm 2021.

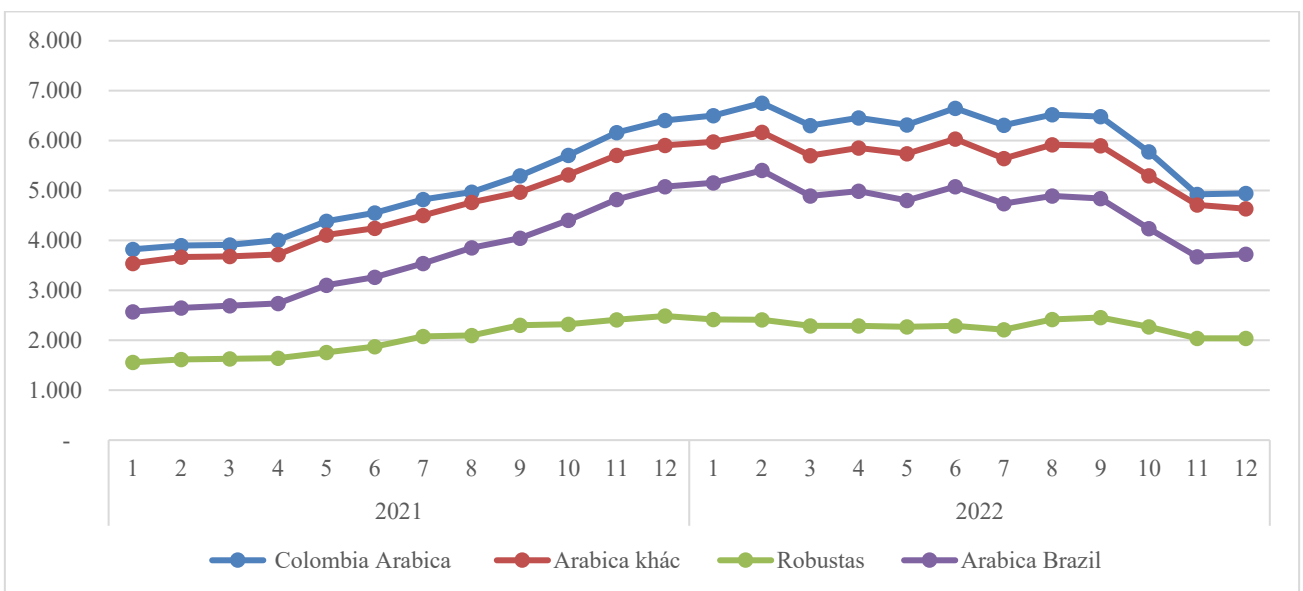
Hình 6: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO



Nguồn: ICO

Giá tất cả các nhóm cà phê trong năm 2022 đều có chung xu hướng với tỷ số giá tổng hợp ICO. Năm 2022, nhóm cà phê Arabica Colombia có mức giá cao nhất đạt trung bình 6.160 USD/tấn, tăng 27,6% so với năm 2021, nhóm cà phê Arabica Brazil đạt trung bình 4.702 USD/tấn, tăng 31,9%, nhóm cà phê Arabica quốc gia khác có giá trung bình là 5.631 USD/tấn tăng 24,8%. Nhóm cà phê Robusta có mức giá thấp nhất là 2.284 USD/ tấn, mức tăng cũng thấp nhất trong các nhóm cà phê là 15,3% so với năm 2021.

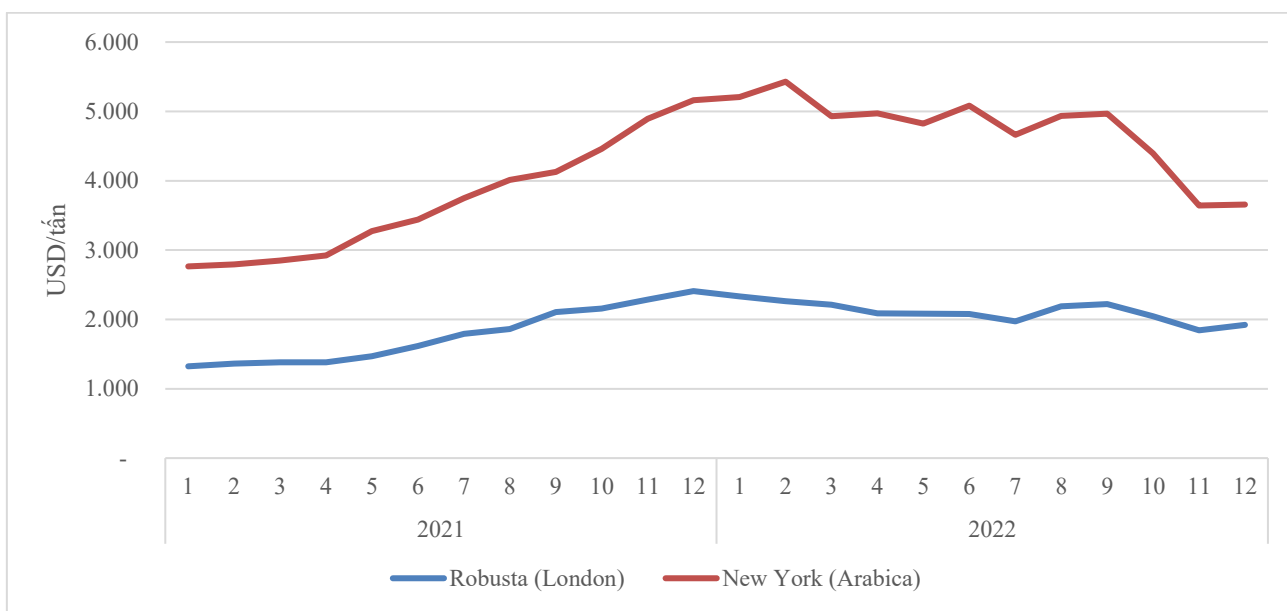
Hình 7: Chỉ số giá các loại cà phê 2021 - 2022



Nguồn: ICO

Về giá cà phê kỳ hạn năm 2022, giá cà phê Robusta và Arabica trên sàn kỳ hạn London và New York đều có chung xu hướng giảm dần vào thời điểm cuối năm, tuy nhiên giá trung bình năm 2022 vẫn cao hơn so với năm 2021. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tại sàn London trong năm 2022 đạt trung bình 2.104 USD/tấn, tăng 19,4% so với năm 2021, trong khi đó giá cà phê Arabica kỳ hạn tại sàn New York tăng 27,5% lên mức 4.725 USD/tấn.

Hình 8: Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork



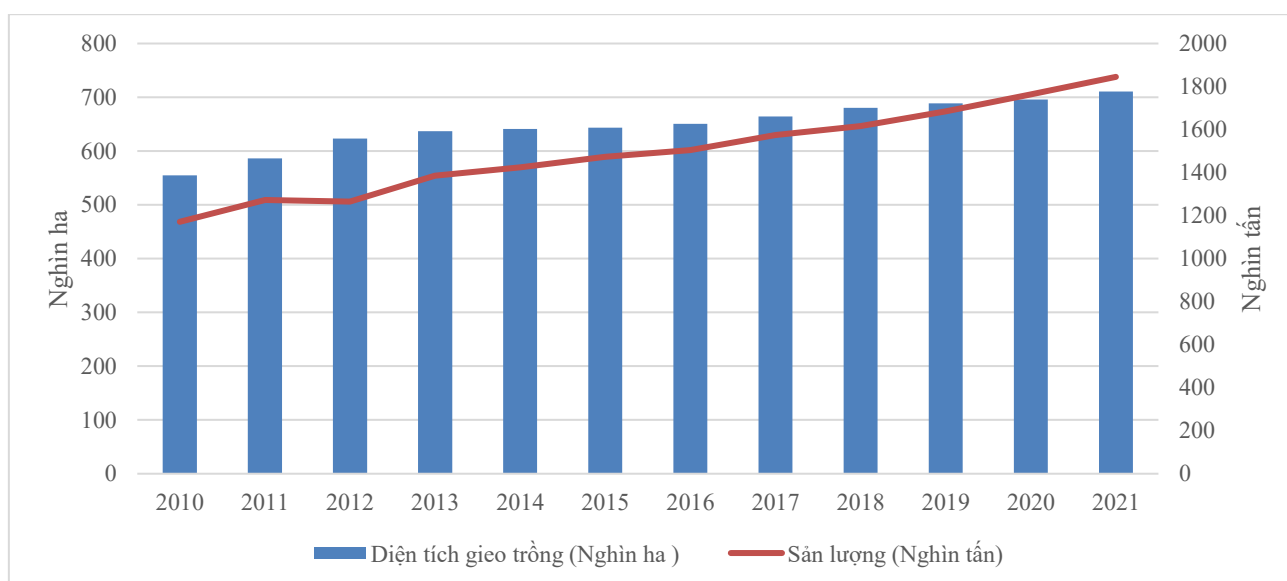
Nguồn: ICE, Agroinfo tổng hợp 2021

II. CÀ PHÊ VIỆT NAM 2022

2.1. Diện tích sản xuất cà phê

Việt Nam được chia thành hai vùng khí hậu phù hợp cho sản xuất cà phê. Vùng Tây Nguyên có đất đỏ bazan, rất thuận lợi để trồng cà phê vối và các tỉnh miền Bắc, với độ cao phù hợp (khoảng 6-800 m) phù hợp với cà phê chè. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2022 tổng diện tích trồng cà phê của Việt Nam là khoảng 710,6 nghìn ha, trong đó diện tích cho thu hoạch là 653,2 nghìn ha. Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê tập trung chính của cả nước. Diện tích cà phê của khu vực này chiếm tới 72% tổng diện tích cả nước và sản lượng cũng chiếm khoảng 92% tổng sản lượng cả nước.

Hình 9: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam 2010-2021



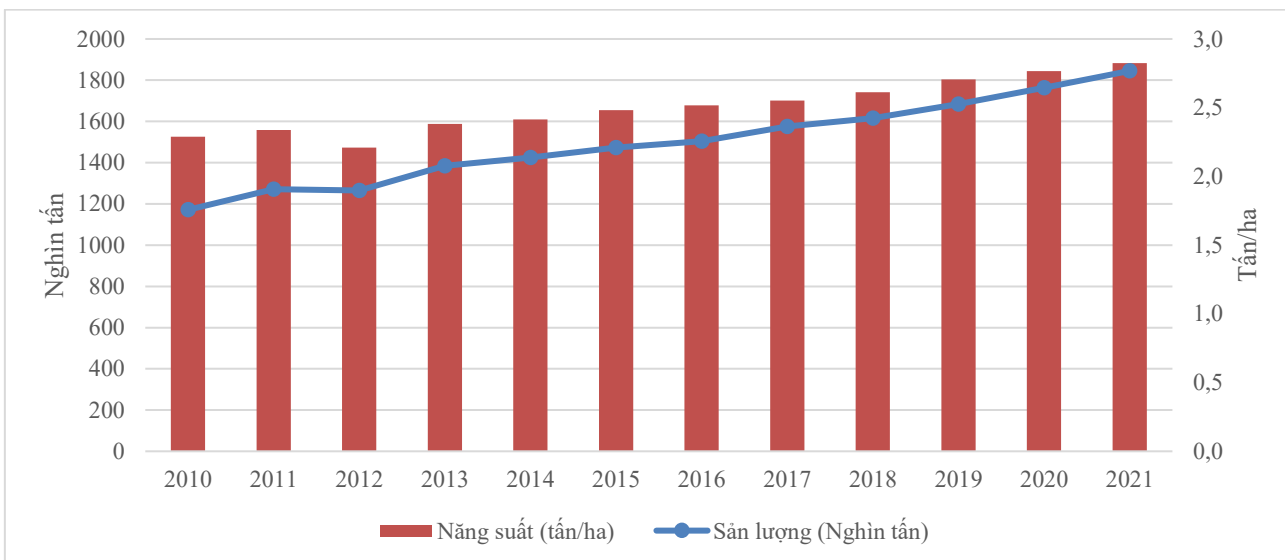
Nguồn: Niên giám thống kê 2022

2.2. Năng suất, sản lượng

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2021, sản lượng cà phê cả nước đạt sản lượng là 1,85 triệu tấn, năng suất đạt 2,8 tấn/ha, tăng lần lượt 4,6% và 2,1% so với năm 2020.

Sản lượng cà phê tiêu thụ nội địa và cung ứng cho các nhà máy chế biến cà phê giá trị gia tăng xấp xỉ 400.000 tấn, chiếm khoảng 23,52% trên tổng sản lượng cà phê của cả nước, tăng đáng kể so với con số 5-7% trước đây.

Hình 10: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam

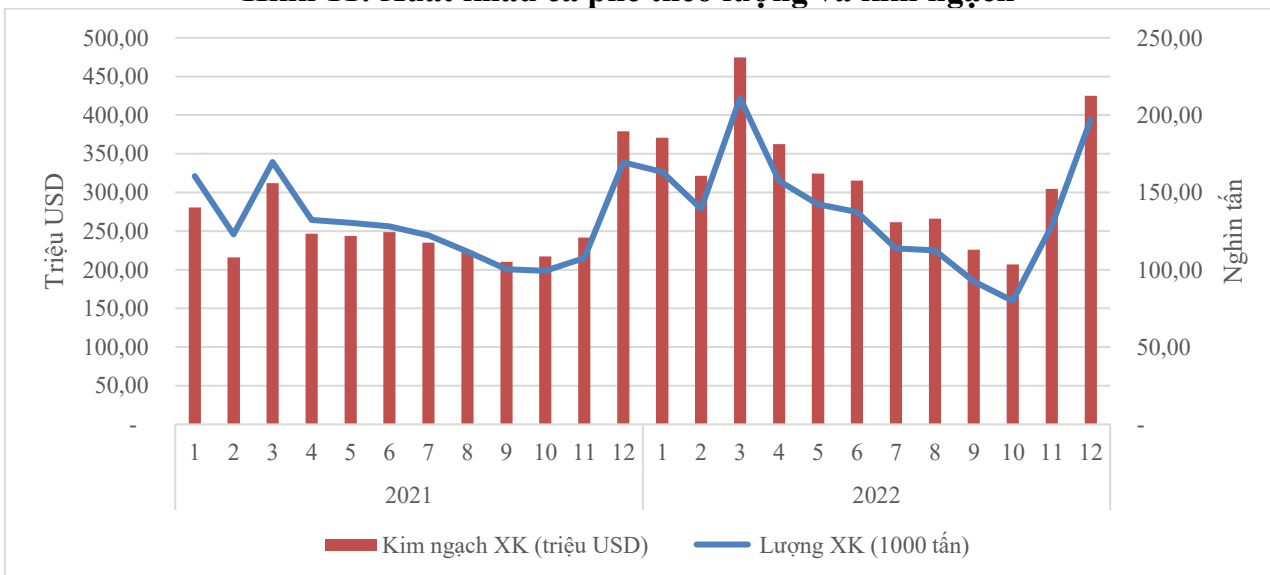


Nguồn: Tổng cục thống kê, 2021

2.3. Xuất khẩu cà phê 2022

Năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1,7 triệu tấn, trị giá xấp xỉ 3,9 tỷ USD, tăng 7,8% về lượng, và tăng 26,3% về trị giá so năm 2021. Trong năm 2022, xuất khẩu cà phê đạt đỉnh vào tháng 3 với 211,0 nghìn tấn, sau đó giảm dần qua các tháng rồi bắt đầu tăng trở lại trong tháng 11 và tháng 12.

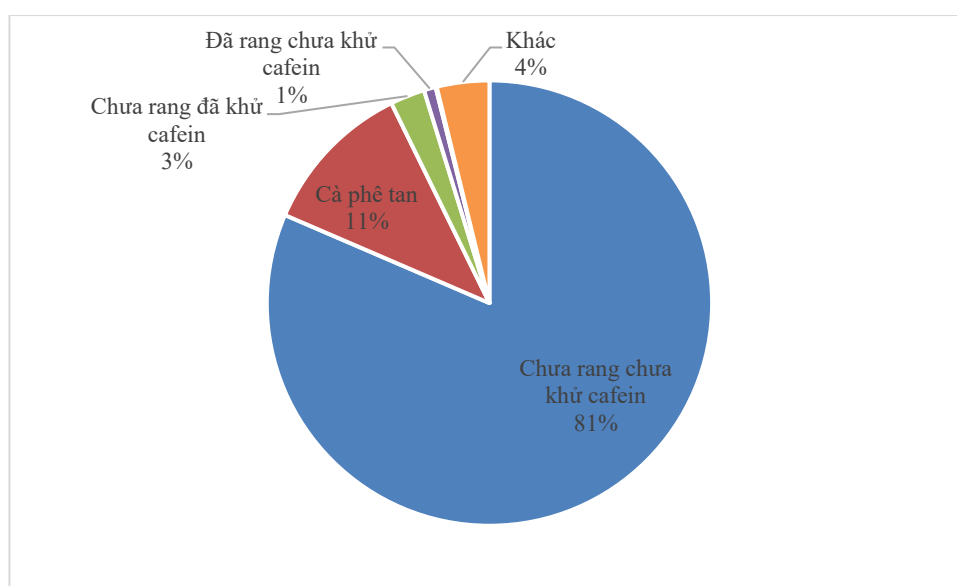
Hình 11: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch



Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2022

Năm 2022, Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu các loại cà phê thô với hàm lượng giá trị gia tăng thấp, như cà phê chưa rang chưa khử caffein với 3,1 tỷ USD, chiếm 81,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Cà phê hoà tan xuất khẩu đứng thứ hai với 434,9 triệu USD, chiếm 11,3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các loại cà phê khác như chưa rang đã khử caffein chiếm 2,5%, cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 0,9% và cà phê đã rang đã khử caffein chiếm 0,1%.

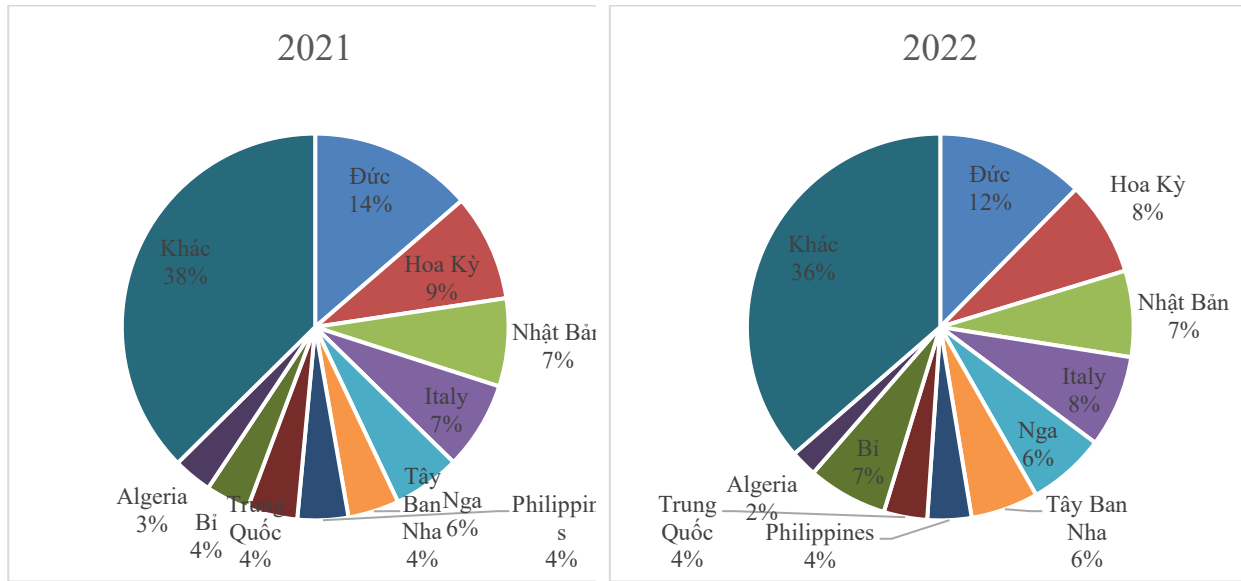
Hình 12: Chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2022



Nguồn: Agroinfo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Năm 2022, Đức vẫn tiếp tục là quốc gia nhập khẩu cà phê nhiều nhất của Việt Nam với 473,8 triệu USD, chiếm 12,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Tiếp theo là Hoa Kỳ với 303,3 triệu USD, chiếm 7,9%. Thứ ba là Nhật Bản với 276,0 triệu USD, chiếm 7,2%. Trong Top 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất, chỉ duy nhất Algeria có kim ngạch giảm, còn lại các thị trường khác đều có kim ngạch tăng trong năm 2022 so với năm 2021. Nếu so sánh thị phần 2 năm 2021 và 2022, thị phần của Đức giảm nhẹ 2 điểm phần trăm, Hoa Kỳ giảm 1 điểm phần trăm, Nhật Bản giữ nguyên, và Italia tăng 1 điểm phần trăm.

Hình 13: Thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam, 2021 - 2022

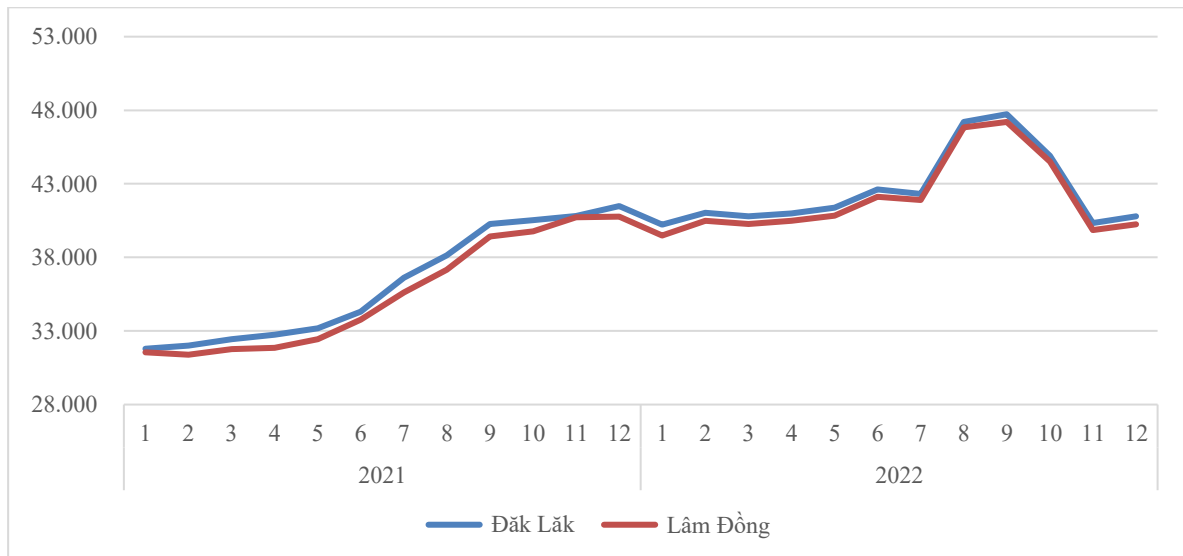


Nguồn: Agroinfo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

2.4. Diễn biến giá cả

Năm 2022, giá cà phê trong nước tăng nhẹ ở thời điểm 6 tháng đầu năm, sau đó tăng mạnh trong tháng 8 và 9, rồi đổi chiều giảm giá vào tháng 10 và 11.

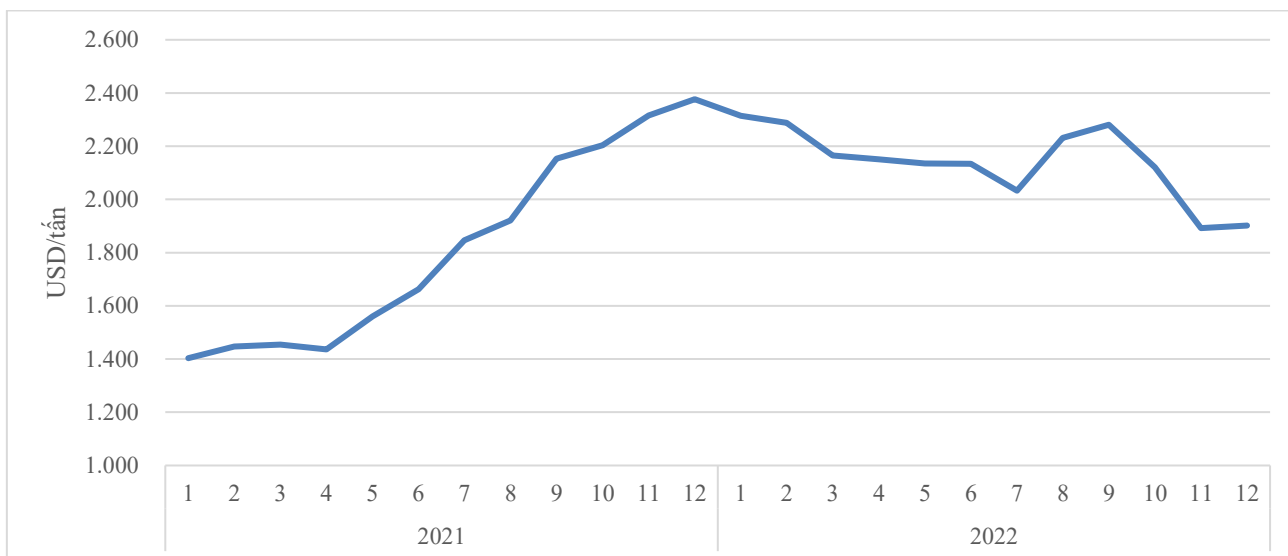
Hình 14: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê bình quân năm 2022 tại Đắk Lắk đạt 42.524 đồng/kg, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi đó giá cà phê tại Lâm Đồng đạt 42.020 đồng/kg, tăng 18,3%.

Hình 15: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM



Nguồn: CSDL Agroinfo

Tính chung cả năm 2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.136 USD/tấn, tăng 17,2% so với năm 2021.

III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2022

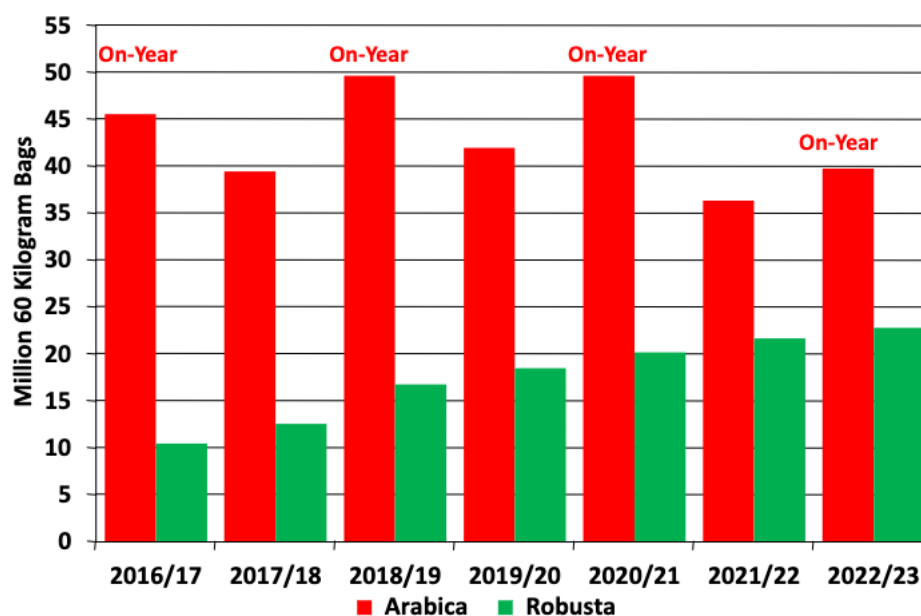
3.1. Thế giới

- Về sản xuất:

Sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2022/23 được dự báo sẽ phục hồi 6,6 triệu bao so với niên vụ trước lên 172,8 triệu bao chủ yếu nhờ vụ cà phê Arabica của Brazil ở đúng năm của chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến sẽ tăng 800.000 bao lên 167,9 triệu bao, với mức tăng lớn nhất ở Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ và Brazil. Xuất khẩu hạt cà phê thế giới được dự báo giảm 3 triệu bao xuống còn 116,1 triệu bao do xuất khẩu giảm ở Brazil, Việt Nam và Ấn Độ. Dự trữ cuối vụ dự kiến cao hơn 1,5 triệu bao lên 34,1 triệu bao.

Brazil: Sản lượng Arabica của Brazil được dự báo sẽ tăng 3,4 triệu bao lên mức 39,8 triệu bao. Sản lượng cà phê Robusta được dự báo sẽ tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 22,8 triệu bao, tăng 1,1 triệu bao, do điều kiện thời tiết thuận lợi và quản lý cây trồng tốt đã hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển cà phê ở vùng trồng cà phê chính Espirito Santo. Diện tích thu hoạch tăng nhẹ cũng hỗ trợ cho mức tăng dự kiến. Vụ thu hoạch cà phê Arabica và Robusta kết hợp được dự báo tăng 4,5 triệu bao lên 62,6 triệu bao. Sản lượng tăng dự kiến sẽ phục hồi dự trữ, dẫn đến xuất khẩu cà phê giảm 2,6 triệu bao xuống 33,0 triệu bao.

Hình 16: Ước tính sản lượng của Brazil



Nguồn: USDA

Colombia: Sản lượng cà phê Arabica Colombia niên vụ 2022/23 được dự báo tăng 800.000 bao lên 12,6 triệu bao nhờ cải thiện điều kiện trồng trọt. Xuất khẩu cà phê, chủ yếu sang Mỹ và Liên minh châu Âu, được dự báo tăng 500.000 bao lên 11,5 triệu bao do nguồn cung tăng.

Indonesia: Sản lượng của Indonesia niên vụ 2022/23 được dự báo sẽ tăng gần 800.000 bao lên 11,4 triệu bao. Sản lượng cà phê Robusta dự kiến sẽ đạt 10 triệu bao trong điều kiện trồng trọt thuận lợi ở các vùng đất thấp phía Nam Sumatra và Java, nơi có khoảng 75% diện tích cà phê được trồng. Mùa thu hoạch chính ở miền nam Sumatra bắt đầu đúng vào tháng 3 và kết thúc vào tháng 7 năm 2022. Sản lượng cà phê arabica dự kiến cũng tăng nhẹ lên 1,4 triệu bao. Xuất khẩu cà phê được dự báo sẽ tăng 300.000 bao lên 6,6 triệu bao do nguồn cung tăng.

- **Về nhập khẩu**

EU: Nhập khẩu cà phê của Liên minh châu Âu được dự báo giảm 2,1 triệu bao xuống còn 44,5 triệu bao và chiếm 40% lượng cà phê nhân nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (40%), Việt Nam (20%), Uganda (8%) và Honduras (7%). Dự trữ cuối kỳ dự kiến sẽ giảm 1,0 triệu bao xuống còn 13,0 triệu bao để hỗ trợ mức tăng thấp trong tiêu dùng.

Hoa Kỳ: nhập khẩu lượng cà phê hạt lớn thứ hai thế giới và được dự báo giảm 500.000 bao xuống còn 24,8 triệu bao niên vụ 2022/23. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (30%), Colombia (19%), Việt Nam (10%) và Honduras (7%). Tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm nhẹ xuống 6,1 triệu bao.

3.2. Việt Nam

Theo USDA, sản lượng cà phê của Việt Nam niên vụ 2022/23 được dự báo là 30,2 triệu bao, giảm 1,4 triệu bao so với vụ thu hoạch kỷ lục năm ngoái do sản lượng giảm. Diện tích canh tác được dự báo không thay đổi so với năm ngoái, với hơn 95% tổng sản lượng vẫn là cà phê Robusta. Mùa mưa bắt đầu sớm hơn so với các năm trước giúp cây ra hoa và phát triển tốt. Điều kiện ẩm ướt hơn bình thường làm giảm nhu cầu và chi phí tưới tiêu. Tuy nhiên, giá phân bón đã tăng vọt tới 70% trong năm ngoái. Nông dân phản ứng bằng cách giảm sử dụng phân bón, theo đó sẽ làm giảm năng suất và sản lượng so với năm trước.

Xuất khẩu cà phê được dự báo sẽ giảm 1,5 triệu bao xuống 24,5 triệu bao do nguồn cung sẵn có thấp hơn và tồn kho cuối vụ dự kiến giảm 200.000 bao xuống 3,1 triệu bao.

Bảng 2: Sản lượng, xuất khẩu và tiêu thụ cà phê của Việt Nam

Đơn vị: nghìn bao 60kg

Niên vụ	2020/21	2021/21	2022/23
Sản lượng Arabica	950	1.100	1.020
Sản lượng Robusta	28.050	30.480	29.200
Tổng sản lượng	29.000	31.580	30.220
XK nhân xô	22.450	26.000	24.500
XK rang xay	550	600	650
XK hòa tan	2.300	2.400	2.500
Tổng xuất khẩu	25.300	29.000	27.650
Tiêu thụ nội địa	3.100	3.200	3.300
Tồn kho cuối kỳ	3.280	3.210	3.055

Nguồn: USDA

3. Dự báo giá cà phê

Cục Xuất nhập khẩu dự báo giá cà phê thế giới tiếp tục chịu áp lực giảm giá. Lo ngại kinh tế toàn cầu suy thoái, trong khi các nước sản xuất cà phê hàng đầu thế giới đang hướng tới một vụ mùa kỷ lục trong năm 2023.

Rất có thể rằng đứng trước áp lực tăng lãi suất điều hành của Mỹ, nguồn tín dụng thắt chặt, các nhà kinh doanh trên sàn phải thanh lý ít nhiều các hợp đồng mua khống. Nếu thế giá phái sinh còn yếu trong 3 tháng đầu niên vụ. Nhưng trong nửa đầu năm 2023, kỳ vọng giá cà phê phái sinh phần nào tốt hơn.

Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

- | | |
|--|---|
| [1]. The ICE | http://theice.com |
| [2]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ | https://www.usda.gov |
| [3]. Comunicaffe | https://www.comunicaffe.com |
| [4]. CNBC | https://www.CNBC.com |
| [5]. Tạp chí Kinh tế Việt Nam | https://www.vneconomy.vn |
| [6]. Hải Quan Việt Nam | https://www.customs.vn |
| [7]. Bộ Nông nghiệp & PTNT | http://www.mard.gov.vn |
| [8]. Vietnambiz | http://vietnambiz.vn |
| [9]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương; | |
| [10]. Trung tâm thông tin – Agroinfo | http://agro.gov.vn |

Bản tin được thực hiện bởi **AGRO**  **INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn